TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DS-ST
Ngày: 04-9-2019
V/v tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.

2. Ông Ngô Văn Mừng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Địa chỉ trụ sở chính: số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: tầng 2, số 96 C, phường 4, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T – chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP T, kiêm Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành T là ông Hà Xuân D – Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ – VPBank AMC (văn bản ủy quyền số 7035/2019/UQ-VPB ngày 01 tháng 3 năm 2019) (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: tầng 2, số 96 C, phường 4, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hà Xuân Dũng trình bày:

Ngân hàng TMCP T (VPBank, gọi tắt là Ngân hàng) đã cho chị Nguyễn Thị Huyền T vay vốn theo 02 Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và điều khoản về điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) số 2828935, ngày 06/02/2015 và số 2630937, ngày 17/01/2015, cụ thể:

Ngày 17/01/2015, Ngân hàng đã giải ngân cho chị T số tiền 27.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hình thức cho vay: tín chấp, lãi suất: 30%/năm, mục đích vay mua xe máy.

Ngày 06/02/2015, Ngân hàng đã giải ngân cho chị T số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hình thức cho vay: tín chấp, lãi suất: 30%/năm, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình.

Trong quá trình vay vốn, chị T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 33.376.762 đồng. Trong đó, thanh toán nợ gốc là: 19.729.751 đồng, nợ lãi là: 13.647.011 đồng thì không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã liên hệ và tạo điều kiện cho chị T thanh toán, nhưng chị T cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 01/3/2019 chị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 60.300.549 đồng *(Sáu mươi triệu, ba trăm nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng).* Trong đó, nợ gốc 22.270.249 đồng, nợ lãi 38.030.300 đồng.

Tại phiên tòa, ông D xác định chị T còn nợ Ngân hàng, nay yêu cầu chị Nguyễn Thị Huyền T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi tính đến ngày 04/9/2019 là: 65.506.220 đồng *(Sáu mươi lăm triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm hai mươi đồng).* Trong đó, nợ gốc 22.270.249 đồng, nợ lãi 43.235.971 đồng. Đồng thời yêu cầu chị T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận theo 02 hợp đồng tín dụng số 2828935, ngày 06/02/2015 và số 2630937, ngày 17/01/2015 cho đến khi chị T thanh toán xong các khoản nợ gốc với Ngân hàng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của chị T về nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngân hàng TMCP T (VPBank) khởi kiện chị Nguyễn Thị Huyền T. Chị Nguyễn Thị Huyền T có nơi cư trú tại ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa, ông D đại diện Ngân hàng yêu cầu chị T trả vốn gốc, lãi suất quá hạn (tính đến ngày 04/9/2019), tổng cộng vốn và lãi là 65.506.220 đồng *(Sáu mươi lăm triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm hai mươi đồng).* Trong đó, nợ gốc 22.270.249 đồng, nợ lãi 43.235.971 đồng. Đồng thời yêu cầu chị T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận theo 02 hợp đồng tín dụng số 2828935, ngày 06/02/2015 và số 2630937, ngày 17/01/2015, cho đến khi chị T thanh toán xong các khoản nợ gốc với Ngân hàng. Xét thấy việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số 2828935, ngày 06/02/2015 và Hợp đồng tín dụng số 2630937, ngày 17/01/2015 thì Ngân hàng đã cho chị T vay số tiền 27.000.000 đồng, hình thức vay: tín chấp, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất: 30%/năm, mục đích vay mua xe máy và ngày 06/02/2015 Ngân hàng đã cho chị T vay số tiền 15.000.000 đồng, hình thức vay: tín chấp, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất: 30%/năm, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy các hợp đồng tín dụng số 2828935, ngày 06/02/2015 và Hợp đồng tín dụng số 2630937, ngày 17/01/2015 ký kết giữa Ngân hàng và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp. Căn cứ theo nội dung của hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía chị T đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và chị T. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T trả vốn gốc 22.270.249 đồng, lãi 43.235.971 đồng (tính đến ngày 04/9/2019), tổng cộng là 65.506.220 đồng *(Sáu mươi lăm triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm hai mươi đồng)* là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu chị T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 2828935, ngày 06/02/2015 và Hợp đồng tín dụng số 2630937, ngày

17/01/2015 cho đến khi chị T thanh toán xong các khoản nợ gốc với Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy theo hợp đồng tín dụng có thỏa thuận mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất quá hạn. Do chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc với Ngân hàng là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tiền vốn gốc 22.270.249 đồng, lãi 43.235.971 đồng (tính đến ngày 04/9/2019), tổng cộng là 65.506.220 đồng *(Sáu mươi lăm triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm hai mươi đồng)*. Đồng thời, buộc chị T phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng từ ngày 05/9/2019 cho đến khi chị T thanh toán xong các khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 228, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

- Buộc chị Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền 65.506.220 đồng *(Sáu mươi lăm triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm hai mươi đồng)* (tính đến ngày 04/9/2019). Trong đó, nợ gốc 22.270.249 đồng, nợ lãi 43.235.971 đồng.

Kể từ ngày 05/9/2019, chị Nguyễn Thị Huyền T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2828935, ngày 06/02/2015 và Hợp đồng tín dụng số 2630937, ngày 17/01/2015 cho đến khi chị T thanh toán xong các khoản nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần T thì lãi suất mà chị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.275.311 đồng *(Ba triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm mười một đồng)*.

Ngân hàng thương mại cổ phần T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.507.000 đồng *(Một triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012924 ngày 17/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngân hàng thương mại cổ phần T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Huyền T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Diệu Tiên